

.....oOo.....



Luận văn tốt nghiệp

ĐỀ TÀI:

*Phân tích báo cáo tài chính ở
Techcombank – thực trạng và giải pháp*

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

“... Tuyệt nhiên không có một lý thuyết hay mô hình kinh tế nào là khuôn mẫu, là mục thước cho sự thành công chắc chắn trong kinh doanh, cũng chẳng hề có một chiếc đĩa thần hay viên ngọc ước nào dành sẵn cho những ai ưa thích mộng mơ giữa chốn thương trường đầy giông gió. Chấp nhận thị trường có nghĩa là chấp nhận sự ngự trị tự nhiên của qui luật thị trường vừa mang tính song phẳng vừa chứa đựng chính trong lòng nó đầy tính bất trắc đến nghiệt ngã.”(Nguyễn Tấn Bình). Những lời nói ấy viết ra dường như để dành riêng nói về một lĩnh vực kinh doanh đặc biệt với những chủ thể kinh doanh đặc biệt được người ta biết đến dưới cái tên hệ thống các ngân hàng thương mại. Cuộc tranh khốc liệt, nghiệt ngã và chứa đựng đầy rủi ro - đó chính là những đặc tính nổi bật lĩnh vực kinh doanh của các ngân hàng.

Tự xác định chỗ đứng cho mình là kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ- nơi nhạy cảm nhất của nền kinh tế- mỗi ngân hàng - ví như chiếc thuyền căng buồm trong phong ba- đều nỗ lực không biết mệt mỏi để tạo cho mình một chỗ đứng và một tiếng nói riêng trong chốn cạnh tranh khốc liệt đó. Câu thần chú mở ra cánh cửa thành công dường như rất đơn giản: “ **Biết mình, biết ta trăm trận trăm thắng**” nhưng không phải ai cũng nhận thức được điều này một cách sâu sắc. Đó có lẽ là một trong những lí do khiến cho phân tích BCTC đóng một vai trò đặc biệt quan trọng và trở nên là việc làm không thể thiếu đối với bất kì ngân hàng nào, bởi đối với nhà quản trị ngân hàng phân tích BCTC chính là con đường ngắn nhất để tiếp cận với bức tranh toàn cảnh tình hình tài chính của chính ngân hàng mình, thấy được cả ưu và nhược điểm cũng như nguyên nhân của những nhược điểm đó để có thể có định hướng kinh doanh đúng đắn trong tương lai.

Ra đời và phát triển mới hơn 10 năm, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương là một ngân hàng còn khá non trẻ. Tuy đã khẳng định được chỗ đứng cho mình là một trong 5 ngân hàng cổ phần hàng đầu Việt nam nhưng cũng như các ngân

hàng khác, công tác phân tích BCTC ở Techcombank còn đang ở chặng đầu của quá trình phát triển và vẫn còn rất nhiều hạn chế. Chính điều này đã ảnh hưởng không tốt tới công tác quản trị trong ngân hàng. Vì lí do này, em đã quyết định lựa chọn đề tài: “**Phân tích báo cáo tài chính ở Techcombank – thực trạng và giải pháp**” cho khóa luận tốt nghiệp của mình với hy vọng sẽ góp một tiếng nói và đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình vào việc hoàn thiện công tác phân tích BCTC ở Techcombank nói riêng và trong hệ thống các NHTM nói chung.

2. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu.

Đề tài đi sâu nghiên cứu công tác phân tích BCTC ở Techcombank thông qua các chỉ tiêu, các nội dung phân tích hoạt động kinh doanh cơ bản của Techcombank trong thời gian từ năm 2001 đến 2003.

3. Phương pháp nghiên cứu.

Khóa luận sử dụng phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích với hệ thống sơ đồ, bảng biểu để trình bày các nội dung lí luận và thực tiễn.

4. Kết cấu khóa luận.

Ngoài lời nói đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo khóa luận được chia làm 3 chương:

Chương 1: Lí luận chung về phân tích BCTC NHTM.

Chương 2: Thực trạng phân tích BCTC ở Ngân hàng TMCP Kỹ Thương

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác phân tích BCTC ở Ngân hàng TMCP Kỹ Thương.

Do đề tài còn mới mẻ, thời gian thực tập chỉ trong 2 tháng cùng với hạn chế về kiến thức của bản thân nên khóa luận không tránh khỏi các sai sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy, các cô và các cán bộ công tác tại Techcombank để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Chương 1

LÍ LUẬN CHUNG VỀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHTM

1.1. Hoạt động kinh doanh của NHTM

1.1.1. Khái niệm NHTM

Lịch sử nhân loại đã chứng kiến một cuộc đổi thay kỳ diệu, để rồi kết quả của những sự chuyển mình quá nhiều thế kỷ ấy chính là hệ thống các ngân hàng hiện đại ngày nay với vị trí là “*xương sống, mạch máu của nền kinh tế quốc dân*”. Không phải ngẫu nhiên mà ngân hàng lại ở vào vị trí trụ cột quyết định sự tồn vong của nền kinh tế đất nước như vậy. Chính bề dày lịch sử thoi thóp, ra đời, tồn tại và phát triển cũng như tính chất đặc thù là kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ đã đương nhiên đặt ngân hàng vào vị trí huyết mạch đó.

Hoạt động của NHTM đa dạng, phức tạp và luôn thay đổi để bắt kịp sự đổi thay đến chóng mặt của nền kinh tế. Mỗi một nền kinh tế có một đặc thù riêng, và chẳng tập quán và luật pháp ở mỗi quốc gia một khác nên đã nảy sinh nhiều quan niệm, nhiều định nghĩa khác nhau về ngân hàng. Luật TCTD Việt Nam ghi rõ: “*Ngân hàng là một loại hình TCTD được phép thực hiện toàn bộ các hoạt động ngân hàng và các hoạt động khác có liên quan*”. Trong khái niệm này, hoạt động ngân hàng được giải thích tại Luật NHNN “*là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi và sử dụng số tiền này để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán*”.

Dù có được xem xét định nghĩa như thế nào thì tựu trung lại có thể nói NHTM là một tổ chức trung gian tài chính thực hiện 3 nghiệp vụ cơ bản là nhận tiền gửi, cho vay và cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng.

1.1.2. Chức năng của các NHTM

Đồng hành với sự phát triển của sản xuất lưu thông hàng hóa và tiền tệ cũng như sự phát triển của các chế độ xã hội chức năng của NHTM ngày càng phong phú, mở rộng và hoàn thiện. Tuy nhiên, xét về bản chất, NHTM có các chức năng cơ bản sau đây:

1.1.2.1. NHTM là loại hình trung gian tài chính làm nhiệm vụ thu hút tiền gửi và tiết kiệm cho nền kinh tế.

Đây có thể coi là một trong những chức năng đặc trưng của NHTM. Theo đó, các cá nhân dân cư có các khoản tiền dành dụm mà chưa sử dụng, các doanh nghiệp có nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi có thể gửi vào ngân hàng dưới hình thức mở các tài khoản khác nhau: tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tài khoản tiền gửi thanh toán ... Mục đích gửi tiền có thể là khác nhau nhưng tựu trung lại là để an toàn tránh trách nhiệm phải bảo quản tài sản, hưởng lãi cho các khoản tiền gửi và sử dụng các dịch vụ thanh toán của ngân hàng.

1.1.2.2. NHTM cấp tín dụng cho các tác nhân trong nền kinh tế.

Có thể nói hoạt động tín dụng sinh lời chủ yếu của các ngân hàng thương mại, đặc biệt là các NHTM truyền thống và là chức năng quan trọng nhất của các ngân hàng hiện đại ngày nay. Nhờ thế mạnh huy động được một lượng vốn nhàn rỗi khổng lồ từ các cá nhân, các tổ chức kinh tế qua việc nhận tiền gửi hay đi vay, các ngân hàng sử dụng số tiền ấy để cho vay các cá nhân, các tổ chức kinh tế cần vốn để đầu tư các nhu cầu như: mở rộng sản xuất kinh doanh, mua sắm tài sản cố định, đầu tư nhu cầu vốn lưu động, nhu cầu tiêu dùng ... và đa dạng các nhu cầu khác. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thì các hình thức cấp tín dụng của ngân hàng cũng ngày càng phát triển muôn hình muôn vẻ: tín dụng thấu chi, tín dụng trung dài hạn, tín dụng chiết khấu, tín dụng thuê mua ... Vốn tín dụng của các ngân hàng đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện ở tất cả các khâu của quá trình tái sản xuất trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, thương mại ... song song góp phần đẩy mạnh đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện đời sống dân cư.

1.1.2.3. NHTM cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng

Chức năng này xuất phát từ chính chức năng đầu tiên của ngân hàng là nhận tiền gửi. Các cá nhân, tổ chức kinh tế trên cơ sở mở các tài khoản tiền gửi thanh toán hay các tài khoản tiền gửi phục vụ giao dịch khi có nhu cầu thanh toán có thể ủy quyền cho ngân hàng thực hiện thay mình: thu hộ, chi hộ... Theo

các quan điểm luật pháp ở hầu hết các nước, thì chỉ có các ngân hàng mới được phép mở tài khoản thanh toán hay các tài khoản giao dịch cho khách hàng mà không một định chế nào được phép làm điều này.

1.1.3. Những hoạt động kinh doanh của ngân hàng

NHTM là loại hình tổ chức tài chính được phép hoạt động kinh doanh đa dạng nhất trên thị trường tài chính bao gồm hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng và đầu tư và các hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính khác như dịch vụ thanh toán, tư vấn tài chính, quản lý hộ tài sản, kinh doanh ngoại tệ...

1.1.3.1. Hoạt động huy động vốn

Khác với các doanh nghiệp phi tài chính, nguồn vốn chủ sở hữu của các NHTM chiếm rất nhỏ (<10%) trong tổng nguồn vốn, bởi vậy để đảm bảo cho hoạt động của mình công tác quan trọng đầu tiên của các NHTM đó chính là hoạt động huy động vốn. Công tác huy động vốn bao gồm: huy động vốn tiền gửi và huy động vốn phi tiền gửi. Các NHTM huy động các nguồn vốn nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh thông qua các nghiệp vụ: tiết kiệm, tiền gửi dân cư, tiền gửi giao dịch, phát hành giấy tờ có giá, đi vay trên thị trường tiền tệ, vay NHTU...

1.1.3.2. Hoạt động tín dụng

Nguồn vốn NHTM huy động được chủ yếu được đem cho vay và tái đầu tư trở lại nền kinh tế. Ngay từ thời kỳ sơ khai của các NHTM, nghiệp vụ tín dụng đã được coi là một hoạt động quan trọng bậc nhất đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi ngân hàng, cũng như đem lại hiệu quả to lớn cho xã hội. Các sản phẩm gắn liền với hoạt động tín dụng bao gồm: cho vay kinh doanh, cho vay tiêu dùng, đầu tư vào giấy tờ có giá, góp vốn liên doanh liên kết ...

1.1.3.3. Hoạt động cung cấp dịch vụ khác

Trong nền kinh tế hiện đại, yêu cầu về các sản phẩm tài chính ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Bên cạnh đó, ngày càng có nhiều hơn sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường từ các tổ chức tài chính phi ngân hàng, các NHTM. Do vậy, xuất hiện một xu hướng đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng một cách tốt

nhất, đang dạng hoá các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tiến tới giảm dần sự phụ thuộc thu nhập của ngân hàng vào thu nhập từ hoạt động tín dụng. Dịch vụ ngân hàng khác bao gồm: dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối, dịch vụ môi giới, bảo lãnh, tư vấn tài chính ...

1.1.4. Những đặc thù trong hoạt động kinh doanh ngân hàng

1.1.4.1. Hoạt động kinh doanh ngân hàng hàm chứa nhiều rủi ro

Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ, hoạt động của các NHTM hàm chứa rất nhiều rủi ro, cụ thể là:

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khoản lỗ tiềm tàng vốn có được tạo ra khi ngân hàng cấp tín dụng cho khách hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh trong trường hợp ngân hàng không thu được đầy đủ cả gốc và lãi của khoản cho vay, hoặc là việc thanh toán cả gốc và lãi không đúng kỳ hạn. Trong thực tế, việc khách hàng không trả được nợ là việc có thể xảy ra bất cứ lúc nào và với bất cứ ai vì rất nhiều nguyên nhân khác nhau. Do vậy, rủi ro tín dụng là một rủi ro cố hữu mà bất cứ NHTM cũng gặp phải.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là khoản lỗ tiềm tàng mà ngân hàng phải gánh chịu khi lãi suất thị trường có sự biến động. Nguyên nhân của rủi ro lãi suất là ngân hàng đã không có sự cân xứng giữa kỳ hạn của tài sản có và tài sản nợ hoặc sự mất cân xứng giữa khối lượng tài sản có và tài sản nợ nhạy cảm với lãi suất. Có hai loại rủi ro lãi suất là rủi ro tái tài trợ tài sản nợ và rủi ro tái đầu tư tài sản có.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là nguy cơ mất khả năng chi trả của ngân hàng khi khách hàng có nhu cầu rút tiền. Đối với các tổ chức tài chính nói chung, các NHTM nói riêng thì rủi ro thanh khoản là xảy ra thường xuyên và nghiêm trọng hơn cả. Bởi rủi ro thanh khoản có tính chất lan truyền, nếu những người gửi tiền nhận thấy ngân hàng gặp rắc rối về thanh khoản thì sẽ hành động đồng loạt rút tiền ra khỏi ngân hàng.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là khoản lỗ tiềm tàng mà ngân hàng phải gánh chịu khi duy trì các tài sản có và tài sản nợ bằng ngoại tệ ở trong trạng thái trường hay đoản về loại ngoại tệ mà ngân hàng nắm giữ.

TaiLieu.vn

Rủi ro hoạt động ngoại bảng

Các hoạt động ngoại bảng là các hoạt động không thuộc bảng cân đối tài sản của ngân hàng. Xuất phát từ tính chất của hoạt động này là ngân hàng thu được phí trong khi không phải sử dụng đến vốn kinh doanh nên đã khuyến khích các hoạt động ngoại bảng ngày càng phát triển. Tuy nhiên, điều này có thể đưa đến rủi ro cho ngân hàng. Ví dụ như, trong trường hợp ngân hàng cam kết bảo lãnh cho khách hàng để mua hàng hoặc để vay vốn hoặc nhằm mục đích nào đó, khi khách hàng không trả được nợ thì ngân hàng phải đứng ra hoàn trả nợ vay cho khách hàng. Trong trường hợp này ngân hàng gặp phải rủi ro, dù có thu được phí bảo lãnh thì khoản tiền đó cũng không đủ để bù đắp số tiền mà ngân hàng phải bỏ ra. Đây chính là rủi ro hoạt động ngoại bảng mà ngân hàng rất dễ gặp phải trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của mình.

Rủi ro công nghệ và hoạt động

Rủi ro công nghệ phát sinh khi những khoản đầu tư cho phát triển công nghệ không tạo được khoản tiết kiệm trong chi phí đã dự tính khi mở rộng quy mô hoạt động.

Rủi ro hoạt động có mối liên hệ chặt chẽ với rủi ro công nghệ và có thể phát sinh bất cứ lúc nào nếu hệ thống công nghệ bị trục chặc hoặc là khi hệ thống hỗ trợ công nghệ bên trong ngừng hoạt động

1.4.1.2. Ngân hàng lấy đối tượng kinh doanh chính là tiền tệ.

Có thể nói, ngân hàng đã kinh doanh một hàng hóa đặc biệt trên thị trường – đó chính là tiền tệ với đặc tính xã hội hóa cao, tính cảm ứng và nhạy bén với mọi thay đổi trong nền kinh tế. Đây chính là đặc điểm cơ bản phân biệt lĩnh vực kinh doanh ngân hàng so với các lĩnh vực kinh doanh khác. Giá cả trong kinh doanh ngân hàng chính là lãi suất. Sự vận động lên hoặc xuống của lãi suất bao hàm, ảnh hưởng đến rất nhiều mối quan hệ kinh tế – xã hội khác nhau.

Sự biến động của lãi suất có tác dụng điều tiết cân bằng thị trường và là tín hiệu thông báo, hướng dẫn người sản xuất và người tiêu dùng trong các hành

vi kinh tế của họ. Lãi suất cũng là một trong các yếu tố thu hút khách hàng đến với ngân hàng hiệu quả nhất. Do vậy, tất cả các NHTM trong thực tiễn hoạt động hàng ngày đều xây dựng cho mình biểu lãi suất hợp lý nhất để tăng sức cạnh tranh của ngân hàng mình trên thị trường.

1.4.1.3. Nguồn vốn chủ yếu để các ngân hàng hoạt động kinh doanh chính là nguồn vốn huy động.

Xuất phát từ chức năng thứ nhất của ngân hàng là: các NHTM là trung gian tài chính làm nhiệm vụ thu hút tiền gửi và tiết kiệm trong nền kinh tế các NHTM đã tạo ra được nguồn vốn khổng lồ để sử dụng cho hoạt động kinh doanh của mình. Đây là nguồn vốn dồi dào và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn của ngân hàng. Đặc điểm của nguồn vốn này là ngân hàng không có quyền sở hữu và đáp ứng những điều kiện đã thỏa thuận với khách hàng mà ngân hàng được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định để cho vay hoặc đầu tư vào những lĩnh vực khác nhau.

1.4.1.4. Kinh doanh ngân hàng là lĩnh vực kinh doanh mang tính hệ thống cao và phải chịu sự quản lý nghiêm ngặt của Nhà nước

Có thể nói, tình hình phát hành, lưu thông và giá trị của tiền tệ có ảnh hưởng sâu rộng đến tổng thể nền kinh tế, hơn nữa, đặc điểm của lĩnh vực kinh doanh ngân hàng là mang tính lan truyền, tính hệ thống cao hơn hẳn những lĩnh vực kinh doanh khác. Do đó, một mặt đòi hỏi phải có sự quản lý nghiêm ngặt của các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm thực thi CSTT quốc gia, nhằm bảo vệ sự an toàn của hệ thống tài chính ngân hàng, bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền và người đầu tư. Mặt khác, để bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh ngân hàng cũng như để có thể tạo ra các dịch vụ toàn diện cho ngân hàng, luôn đòi hỏi phải duy trì tính ràng buộc theo hệ thống trong quá trình hoạt động của các ngân hàng, bao gồm cả những ràng buộc về mặt kỹ thuật và về mặt tổ chức, có thể do các ngân hàng tự thiết lập hay do các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.

Tính hệ thống không chỉ đơn thuần là do yêu cầu có sự thống nhất về kỹ thuật nghiệp vụ trên phạm vi ngày càng rộng mà nó còn được bổ sung bởi nhu cầu phải hỗ trợ lẫn nhau giữa các ngân hàng về thanh khoản, vốn khả dụng, về chia sẻ rủi ro để đảm bảo sự an toàn của bản thân của cả hệ thống và nền kinh tế.

Hoạt động kinh doanh của các ngân hàng luôn được đặt trong một môi trường pháp lý nghiêm ngặt, bị chi phối rất mạnh bởi tác động của chính sách tài chính – tiền tệ quốc gia. Hoạt động kinh doanh của mỗi ngân hàng có được ở mức độ nào cũng luôn là kết quả không chỉ những nỗ lực của bản thân ngân hàng đó mà còn lệ thuộc chặt chẽ vào khả năng liên kết của ngân hàng đó với các ngân hàng khác và với các thị trường tài chính.

1.2. Lý luận về phân tích báo cáo tài chính ngân hàng.

1.2.1. Báo cáo tài chính của ngân hàng.

1.2.1.1. Khái niệm.

Hệ thống BCTC tài chính gồm những văn bản đặc biệt riêng có của hệ thống kế toán được tiêu chuẩn hoá trên phạm vi quốc tế về nguyên tắc và chuẩn mực. BCTC là phần chiếm vị trí quan trọng trong báo cáo thường niên của NHTM. Sở dĩ các báo cáo tài chính là một hệ thống là bởi lẽ người ta muốn nhấn mạnh đến sự quan hệ chặt chẽ và hữu cơ giữa chúng. Mỗi BCTC riêng biệt cung cấp cho người đọc một khía cạnh hữu ích khác nhau nhưng sẽ không thể nào có được những kết quả mang tính khái quát về tình hình tài chính nếu không có sự kết hợp giữa các BCTC. Xét về mặt học thuật, BCTC được định nghĩa là: *“những BC trình bày tổng quát, phản ánh một cách tổng hợp nhất về tình hình tài sản, các khoản nợ, nguồn hình thành tài sản, tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh trong kì của ngân hàng”*.

1.2.1.2. Vai trò, vị trí của BCTC.

Báo cáo tài chính có một vai trò to lớn trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của các ngân hàng, có thể thấy rất rõ điều đó qua những nét cơ bản sau:

- BCTC trình bày tổng quát, phản ánh tổng hợp về tài sản, nguồn vốn cũng như toàn bộ tình hình tài chính của NH dưới dạng các con số giúp người

đọc nắm bắt một cách trực quan nhất về thực tiễn hoạt động của ngân hàng trong kì.

- BCTC nhằm cung cấp những thông tin cần thiết phục vụ nhà quản trị NHTM và các đối tượng kinh doanh khác, như: cổ đông, các nhà quản lý cấp trên...

- BCTC cung cấp những thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu để đánh giá tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thực trạng tài chính của NHTM, giúp cho việc kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn và khả năng huy động nguồn vốn vào hoạt động kinh doanh của NHTM.

- Các chỉ tiêu, các số liệu trên BCTC là những cơ sở quan trọng để tính ra các chỉ tiêu khác, nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả của các quá trình kinh doanh của ngân hàng.

- Những thông tin của BCTC là những căn cứ quan trọng trong việc phân tích, nghiên cứu, phát hiện những khả năng tiềm tàng, là những căn cứ quan trọng để ra các quyết định về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư vào ngân hàng của các chủ sở hữu, các nhà đầu tư...

- Nhưng BCTC còn là những căn cứ quan trọng để xây dựng các kế hoạch kinh tế- kỹ thuật, tài chính của NHTM, là những căn cứ khoa học để đề ra hệ thống các biện pháp xác thực nhằm tăng cường quản trị ngân hàng, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng lợi nhuận cho NHTM.

1.2.1.3. Các báo cáo tài chính của NHTM.

Hệ thống BCTC của NHTM có 4 báo cáo, cụ thể là:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Ba báo cáo đầu là trọng tâm phân tích của khoá luận này do vậy khoá luận xin trình bày khái quát về kết cấu của các báo cáo như sau:

a. Bảng cân đối kế toán.

Bảng cân đối kế toán (BCĐKT) là một báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát về tổng giá trị tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản của NHTM tại một thời điểm nhất định (thời điểm lập báo cáo). Trong đó, tài sản có thể hiện những gì mà ngân hàng đang sử dụng, mà chủ yếu là những khoản tín dụng và đầu tư còn tài sản nợ là những tài sản mà ngân hàng đang phải thanh toán mà chủ yếu là những khoản tiền gửi của khách hàng và vốn chủ sở hữu.

BCĐKT phản ánh điều kiện tài chính của NHTM tại một thời điểm nhất định. Các số liệu trên BCĐKT phản ánh số dư nên chúng thay đổi từ thời điểm này qua thời điểm khác. Được ví như bức tranh trung bày về tình hình tài chính tài thời điểm cuối năm, dựa trên BCĐKT ta tính được các chỉ tiêu tài chính. Nhờ vậy, BCĐKT trở thành công cụ tốt để so sánh các chỉ tiêu tài chính giữa các thời kỳ khác nhau đồng thời tạo cách nhìn tổng quát về cơ cấu và sự biến đổi trong BCD.

BCĐKT được trình bày thành 2 phần là Tài sản và Nguồn vốn với điều kiện ràng buộc là:

$$\text{tài sản có} = \text{nợ phải trả} + \text{vốn chủ sở hữu.}$$

Các khoản mục cụ thể là:

Tài sản:

Phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của NHTM gồm:

- Tiền mặt (ngân quỹ): khoản mục này bao gồm TM tại quỹ, tiền gửi tại NHNN và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác. Đây là khoản mục có tính lỏng cao nhất trong toàn bộ tài sản của ngân hàng được sử dụng nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu quản lý của NHNN, yêu cầu rút tiền mặt, vay vốn và các yêu cầu chi trả khác hàng ngày của NHTM. Dù có tính lỏng cao nhất nhưng xét về tính sinh lời thì khoản mục này có tính sinh lời rất thấp hoặc hầu như không đem lại lợi nhuận cho NHTM nên các ngân hàng thường chỉ duy trì ở mức tối thiểu trong tổng tài sản có của mình mà thường là 2% trong tổng tài sản có.

- Cho vay:

Gồm các khoản tín dụng cấp cho các cá nhân, các tổ chức kinh tế và các đối tượng khác. Đây là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng tài sản có

của ngân hàng và mang lại nguồn thu lớn nhất. Thông thường, khoản mục này thường chiếm từ 70- 80% trong tổng tài sản có của các NHTM.

- Đầu tư:

Gồm các chứng khoán mà chủ yếu là thương phiếu, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc... với đặc tính là độ rủi ro thấp và khả năng chuyển hoá thành tiền nhanh chóng.

- Tài sản cố định (TSCĐ):

Bộ phận tài sản này không sinh lời nhưng là điều kiện để các NHTM tiến hành các hoạt động kinh doanh, tạo hình ảnh và vị thế cho NHTM trên thị trường. Vì tính chất không sinh lời của loại tài sản này nên các ngân hàng đã hạn chế tỉ trọng của bộ phận này ở một mức hợp lý để tránh ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của mình. Theo quy định của NHNN đầu tư cho TSCĐ của các NHTM không lớn hơn 50% vốn tự có của ngân hàng. Khoản mục này được trình bày theo nguyên giá và hao mòn.

- Tài sản có khác:

Chủ yếu là các khoản vốn đang trong quá trình thanh toán mà NHTM phải thu về gồm: các khoản phải thu, các khoản lãi cộng dồn dự thu, tài sản có khác và các khoản dự phòng rủi ro khác.

Nguồn vốn.

Bao gồm khoản nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

- Nợ phải trả: gồm các khoản vốn mà NHTM huy động từ bên ngoài, cụ thể là:

. Tiền gửi: của cá nhân, của tổ chức kinh tế, kho bạc nhà nước và của các tổ chức tín dụng khác.

. Tiền vay: Gồm vay NHNN, vay các TCTD khác trong nước và nước ngoài hoặc nhận vốn vay đồng tài trợ.

. Vốn ủy thác đầu tư

. Phát hành giấy tờ có giá: trái phiếu, tín phiếu ... để huy động vốn.

. Tài sản nợ khác: là các khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động của NHTM gồm: các khoản phải trả, các khoản lãi cộng dồn dự trả và các tài sản nợ khác.

- Vốn và các quỹ: là vốn thuộc sở hữu của bản thân ngân hàng, được hình thành từ phần góp của các chủ sở hữu hoặc từ lợi nhuận để lại gồm 4 phần:

. Vốn góp của chủ sở hữu ngân hàng để thành lập hoặc mở rộng hoạt động NHTM: vốn điều lệ, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn khác.

. Các quỹ được hình thành trong quá trình hoạt động kinh doanh của các NHTM theo cơ chế tài chính hiện hành như: quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính...

. Lãi /lỗ kỳ trước.

. Lãi/ lỗ kỳ này.

Ngoài bộ phận theo dõi trong BCĐKT, NHTM còn có một bộ phận tài sản được theo dõi ngoại bảng, đó là những tài sản không thuộc quyền sở hữu của NHTM như: các tài sản giữ hộ, quản lý hộ khách hàng, các giao dịch chưa được thừa nhận là tài sản hoặc nguồn vốn dưới dạng các cam kết bảo lãnh, cam kết mua bán hối đoái có kỳ hạn...

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh(BCKQKD).

Là báo cáo tổng hợp phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh, phản ánh thu nhập hoạt động chính và các hoạt động khác qua một kỳ kinh doanh (một kỳ kế toán) của NHTM. BCKQKD được chi tiết theo hoạt động sản xuất kinh doanh chính và các hoạt động tài chính, hoạt động bất thường. Theo quy định ở Việt nam, BCKQKD còn có thêm phần kê khai tình hình thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với NSNN và tình hình thực hiện thuế giá trị gia tăng.

Báo cáo kết quả kinh doanh là loại báo cáo tài chính quan trọng của NHTM vì thông qua các chỉ tiêu của báo cáo này giúp cho lãnh đạo ngân hàng và các cơ quan quản lý, cơ quan thuế, kiểm toán nắm được thực trạng các khoản thu nhập, chi phí, kết quả tài chính của từng ngân hàng cũng như toàn bộ hệ thống. Từ đó giúp cho công tác lãnh đạo, điều hành, kiểm tra, kiểm toán có hiệu

quả nhằm giúp các NHTM hoàn thành kế hoạch tài chính và kế hoạch nộp ngân sách quốc gia.

BCKQKD của NHTM được trình bày gồm 2 phần:

Phần I: Lãi, lỗ

Phần II: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà Nước.

Trong phần I phản ánh các khoản thu và chi chính của NHTM như sau:

(1). Thu từ lãi: là những khoản thu từ hoạt động tín dụng, đầu tư, từ khoản tiền gửi ở các TCTD khác, bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, thu lãi góp vốn mua cổ phần, thu khác về hoạt động tín dụng...

(2). Chi trả lãi: gồm các khoản chi trả lãi tiền gửi, chi trả lãi tiền vay...

(3). Thu nhập lãi ròng = (1) – (2)

(4). Thu ngoài lãi: là những khoản thu nhập từ những dịch vụ NHTM cung cấp cho khách hàng và thu nhập do hoạt động kinh doanh khác tạo ra ví dụ thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, thu phí dịch vụ thanh toán...

(5). Chi ngoài lãi: gồm các khoản chi như chi khác về hoạt động huy động vốn, chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, chi tham gia thi trường tiền tệ, bảo hiểm tiền gửi...

(6). Thu nhập ngoài lãi = (4) – (5)

(7). Thu nhập trước thuế = (3) + (6)

(8). Thuế thu nhập

(9). Lợi nhuận sau thuế = (7) + (8)

Đây là khoản thu nhập còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

Báo cáo thu nhập tập trung vào chỉ tiêu lợi nhuận, tuy nhiên một trong các hạn chế của nó là thu nhập sẽ lệ thuộc rất nhiều vào quan điểm của kế toán trong quá trình hạch toán chi phí. Một hạn chế khác nữa là do nguyên tắc kế toán về ghi nhận doanh thu quy định, theo đó doanh thu sẽ được ghi nhận khi giao dịch đã hoàn thành trong khi đó việc thanh toán lại có thể xảy ra ở thời điểm khác. Nhược điểm này dẫn đến sự cần thiết của báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

c. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BCLCTT là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền trong kỳ của NHTM về hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Mục đích của BCLCTT là nhằm trình bày tiền tệ đã sinh ra bằng cách nào và NHTM đã sử dụng chúng như thế nào trong kỳ báo cáo.

BCLCTT giải thích sự khác nhau giữa lợi nhuận của NHTM và các dòng tiền có liên quan, cung cấp những thông tin về những dòng tiền gắn liền với những biến động về tài sản, công nợ và vốn chủ sở hữu. Thông qua BCLCTT NHTM có thể đánh giá khả năng tạo ra các dòng tiền từ các loại hoạt động của ngân hàng để đáp ứng kịp thời các khoản nợ cho các chủ nợ, cổ tức cho các cổ đông hoặc nộp thuế cho nhà nước. Trên cơ sở BCLCTT, nhà quản trị ngân hàng có thể dự đoán các dòng tiền phát sinh trong hoạt động kinh doanh để có các biện pháp quản lý trong tương lai.

BCLCTT được tổng hợp từ kết quả của 3 loại hoạt động của NHTM tương ứng nội dung của nó gồm 3 phần:

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh.

Phần này phản ánh toàn bộ dòng tiền thu vào và chi ra liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của NHTM như tiền thu lãi cho vay, thu từ các khoản phải thu khác..., các chi phí bằng tiền như chi lãi tiền gửi cho khách hàng, tiền thanh toán cho công nhân về tiền lương và BHXH..., các chi phí khác bằng tiền (chi phí văn phòng phẩm, công tác phí...).

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:

Phản ánh toàn bộ dòng tiền thu vào và chi ra liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư của NHTM. Hoạt động đầu tư bao gồm hai phần:

. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho bản thân NHTM như hoạt động xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định.

. Đầu tư vào các đơn vị khác dưới hình thức liên doanh, đầu tư chứng khoán không phân biệt đầu tư ngắn hạn hay dài hạn.

Dòng tiền lưu chuyển được tính gồm toàn bộ các khoản thu do bán, thanh lý tài sản cố định, thu hồi các khoản đầu tư vào các đơn vị khác... và các khoản chi xây dựng, mua sắm tài sản cố định, chi đầu tư vào các lĩnh vực khác.

- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính.

Phản ánh toàn bộ dòng tiền thu vào và chi ra liên quan trực tiếp đến các nghiệp vụ làm tăng, giảm vốn kinh doanh của NHTM như góp vốn liên doanh, vay vốn trong dân chúng và các tổ chức tài chính quốc tế như: IMF, WB...vv (không phân biệt vay dài hạn hay ngắn hạn), nhận vốn liên doanh, phát hành cổ phiếu hay trái phiếu, trả nợ vay...

Dòng tiền lưu chuyển được tính bao gồm toàn bộ các khoản thu chi liên quan như tiền vay nhận được, tiền nhận được do nhận góp vốn liên doanh bằng tiền, do phát hành cổ phiếu, trái phiếu bằng tiền, thu lãi tiền gửi...

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết hợp với BCKQKD và BCDKT chỉ ra một điều cực kỳ quan trọng: chất lượng của lợi nhuận thông qua dòng ngân lưu ròng từ hoạt động kinh doanh tạo ra. Vì một lí do lợi nhuận và khả năng thanh toán không có liên quan gì đến nhau cả, do vậy lợi nhuận cao không có nghĩa là tình hình tài chính của NHTM vững mạnh và khả năng thanh toán tốt.

BCLCTT không những giúp cho các nhà phân tích giải thích được nguyên nhân thay đổi về tình hình tài sản, nguồn vốn, khả năng thanh toán của NHTM mà còn là công cụ quan trọng để hoạch định ngân sách- kế hoạch tiền mặt trong tương lai.

1.2.2. Phân tích BCTC.

1.2.2.1 Khái niệm phân tích BCTC.

Xác định chỗ đứng cho mình là mạch máu của nền kinh tế quốc dân, các NHTM là một nhân tố tích cực và không thể thiếu trong quá trình thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế. Thông qua sự phát triển ở tầm vĩ mô ấy mà bản thân mỗi NHTM thực hiện được các mục tiêu của mình là lợi nhuận, là tăng trưởng và phát triển. Nhưng để có được những kết quả ấy không phải là dễ dàng, nó là tổng hợp của những nỗ lực tự thân hết mình của bản thân ngân hàng trong

thực tiễn hoạt động kinh doanh đầy khó khăn thử thách trong một môi trường mang tính nhạy cảm và cạnh tranh cao độ đồng thời cũng chứa đựng đầy rủi ro. Và nỗ lực không biết mệt mỏi ấy cũng không thể có kết quả nếu thiếu một con mắt nhìn toàn diện, trung thực về bản thân thực trạng của mỗi NHTM. Việc thường xuyên nhìn lại mình để thấy được điểm mạnh, điểm yếu của chính mình là một cách để NHTM cạnh tranh có hiệu quả khi đưa ra được biện pháp để khắc phục nhược điểm và phát huy ưu điểm. Phân tích BCTC là một cách để thực hiện điều đó. Thông qua phân tích BCTC nhà quản trị ngân hàng sẽ có được một con mắt nhìn toàn diện về ngân hàng mình trên tất cả mọi khía cạnh.

Phân tích BCTC là một yêu cầu tất yếu khách quan, ra đời và phát triển từ đòi hỏi của đời sống kinh tế, từ yêu cầu phải quản lý khoa học và có hiệu quả hoạt động kinh doanh của các NHTM. Nó là công cụ không thể thiếu được đối với các nhà quản lý kinh tế, là một hình thức biểu hiện của chức năng tổ chức và quản lý kinh tế của Nhà nước.

Việc phân tích BCTC không phải là một quá trình tính toán các tỷ số mà là quá trình tìm hiểu các kết quả của sự quản lý và điều hành tài chính ở đơn vị được phản ánh trên BCTC đó. Phân tích BCTC là đánh giá những gì làm được, dự kiến những gì sẽ xảy ra trên cơ sở đó kiến nghị các biện pháp để tận dụng triệt để các điểm mạnh và khắc phục các điểm yếu. Đồng thời phân tích BCTC cũng cần thiết làm sao cho các con số trên báo cáo tài chính “*biết nói*” để người sử dụng chúng có thể hiểu rõ tình hình tài chính của đơn vị và các mục tiêu, các phương pháp hoạt động của nhà quản lý ở đơn vị kinh tế đó.

Vậy tóm lại, phân tích BCTC là quá trình xem xét, kiểm tra, đối chiếu và so sánh số liệu về tài chính hiện hành và quá khứ bằng những phương pháp thích hợp nhằm mục đích đánh giá, dự tính các rủi ro và tiềm năng trong tương lai.

1.2.2.2. Vai trò, vị trí của phân tích BCTC ngân hàng.

Việc phân tích BCTC là một nhu cầu tất yếu, tự thân của mỗi NHTM bởi ý nghĩa, vai trò quan trọng của nó. Cụ thể là:

- Phân tích BCTC giúp cho nhà quản trị ngân hàng nhìn nhận toàn diện bộ mặt của NHTM trong kỳ hoạt động đã qua một cách khách quan và tương đối trung thực. Bên cạnh đó, việc phân tích cũng giúp nhà quản trị hiểu rõ được nguyên nhân gây ra sự biến động của các chỉ tiêu, các khoản mục trên BCTC; nhận biết được các nhân tố ảnh hưởng đến các khoản mục đó để từ đó có các biện pháp đối phó thích hợp nhằm hạn chế nhược điểm và phát huy ưu điểm của bản thân NHTM, nâng cao tính cạnh tranh.

- Phân tích BCTC giúp các nhà quản trị NHTM nhận biết và dự đoán trước những rủi ro cũng như các tiềm năng trong tương lai. Bởi rủi ro là nguy cơ lúc nào cũng có thể gặp phải và gây ra các hậu quả to lớn cho ngân hàng, do vậy việc nhận biết các rủi ro giúp nhà quản trị ngân hàng có được các biện pháp phòng ngừa thích hợp. Đối lập với các rủi ro, những tiềm năng và cơ hội sẽ mang đến cho NHTM những điều kiện làm ăn vô cùng thuận lợi. Nhận biết điều đó đã là một bước đầu thắng lợi của ngân hàng trên con đường đi đến mục tiêu và phát triển.

- Phân tích BCTC góp phần đưa ra định hướng cho các quyết định của Ban giám đốc về các quyết định tài chính và các dự thảo tài chính trong tương lai như kế hoạch đầu tư, kế hoạch ngân quỹ...

- Phân tích BCTC cũng là một công cụ trong tay các nhà quản trị để kiểm soát các hoạt động quản lý trong đơn vị về tính hiệu quả cũng như tính đầy đủ của nó.

1.2.2.3. Các phương pháp phân tích BCTC.

a. Phương pháp so sánh.

Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong phân tích để đánh giá kết quả, xác định vị trí và xu hướng biến động của chỉ tiêu phân tích và thường được thực hiện ở bước khởi đầu của việc phân tích, đánh giá.

Về kỹ thuật so sánh có:

- So sánh bằng số tuyệt đối

Cho biết khối lượng, quy mô của chỉ tiêu phân tích được biểu hiện bằng tiền mà ngân hàng đạt được ở kì thực tế so với kì trước hoặc kì kế hoạch.